

Bản án số 07/2025/DS-ST
Ngày 18 tháng 7 năm 2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Thân và ông Phạm Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 3 - Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Mai Phương - Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 Đà Nẵng
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2025/TLST-DS ngày 04 tháng
4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 110/2025/QĐXXST-DS ngày 09.6.2025, Quyết định hoãn phiên tòa số
110/2025/QĐST-DS ngày 26.6.2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S.** Trụ sở: 2 N, phường H, quận C, Thành
phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo uỷ quyền: bà Vũ Công Thanh N, chức vụ: Chuyên
viên khách hàng; địa chỉ: B Ông Í, phường H, thành phố Đà Nẵng. Theo Giấy uỷ
quyền số 12/2025/UQ-PGDCC ngày 27/3/2025, có mặt

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm:1996; địa chỉ: K L, phường T
(phường T cũ), thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án,
đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bà Vũ Công Thanh N trình bày:*

Ngày 23/08/2019, bà Nguyễn Thị Thanh T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp
đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng
và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.
Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 30.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá
nhân theo 02 khoản vay:

- Đối với khoản vay trên thẻ tín dụng 9413-TD noi dia - VTD SacombankPay
thẻ 211251 – 9773: Đến ngày 25/08/2024, bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số

tiền là 15,448,000đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 6,888,000đồng. Trong đó: phí: 320,000đồng, thanh toán gốc 6,568,000đ. Đến ngày 25/09/2024 Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn với số tiền 8,880,000đồng.

- Đối với khoản vay trên thẻ tín dụng 9413-TD noi dia - VTD SacombankPay thẻ 211251 – 1405. Đến ngày 25/08/2024, bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 17,756,000đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 10,126,000đồng. Trong đó: phí: 320,000đồng, thanh toán gốc 9,806,000đ. Đến ngày 25/09/2024 Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn với số tiền 7,950,000đồng.

Tính đến ngày 18.7.2025, bà T còn nợ là 20.216.465đ, trong đó: Tổng gốc của 2 khoản thẻ là 15.000.000 đồng; tổng nợ lãi trong hạn 2 thẻ là 1.830.000đ, tổng nợ lãi quá hạn 2 thẻ là 3.386.465 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Bà T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Bà T vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã quy định tại Hợp đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền của 2 khoản thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 18/07/2025 là 20.216.465đ và bà T phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/07/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 280, 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng 20.216.465đ, trong đó: tổng gốc của 2 thẻ là 15.000.000 đồng; tổng nợ lãi trong hạn 2 thẻ là 1.830.000đ, tổng nợ lãi quá hạn 2 thẻ là 3.386.465 và phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 18/7/2025 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định trong hợp đồng đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và các thông báo của Tòa án cho bà T nhưng bà T không đến Tòa án để làm việc và không gửi ý kiến về các nội dung liên quan đến việc khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn phường T, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S thì thấy:

Ngày 23/08/2019, bà Nguyễn Thị Thanh T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 30.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân theo 02 khoản vay. Hội đồng xét xử xét thấy, G đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/08/2019, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị Thanh T thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng và phải có nghĩa vụ thực hiện các cam kết trên.

Sau khi được cấp tín dụng bà Nguyễn Thị Thanh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 33.204.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 17.014.000đ. Đến ngày 25/9/2024, bà Nguyễn Thị Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18.7.2025, bà Nguyễn Thị Thanh T còn nợ số tiền 20.216.465đ, trong đó: tổng gốc của 2 thẻ là 15.000.000 đồng; tổng nợ lãi trong hạn 2 thẻ là 1.830.000đ, tổng nợ lãi quá hạn 2 thẻ là 3.386.465. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết trong hợp đồng dân sự, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà T phải trả số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng là có cơ sở, phù hợp Điều 280, 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng Đồng thời bà T phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 19/7/2025 cho đến khi trả hết số nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

[3] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể:

$$20.216.465\text{đ} \times 5\% = 1.010.500\text{đ}$$

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* **Xử:** Buộc Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 18.7.2025 là 20.216.465đ, trong đó: tổng gốc của 2 thẻ là 15.000.000 đồng; tổng nợ lãi trong hạn của 2 thẻ là 1.830.000đ, tổng nợ lãi quá hạn của 2 thẻ là 3.386.465 đồng.

Lãi tiếp tục được tính trên số tiền gốc còn phải thi hành án kể từ ngày 19.7.2025 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/08/2019 mà các bên đã ký kết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 1.010.500đ, bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 526.070 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006325 ngày 04.4.2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Đà Nẵng ;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Ngọc Cường

T